

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

Số: 2792/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bình Định, ngày 27 tháng 07 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường
Dự án Cầu Bình Thành, huyện Tây Sơn của UBND huyện Tây Sơn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 1856/STNMT-CCBVMT ngày 12/06/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Cầu Bình Thành, huyện Tây Sơn;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Cầu Bình Thành, huyện Tây Sơn đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 1147/UBND-KT ngày 12/07/2023 của UBND huyện Tây Sơn;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 902TTr-STNMT ngày 27/7/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Cầu Bình Thành, huyện Tây Sơn (sau đây gọi là Dự án) của UBND huyện Tây Sơn (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại thị trấn Phú Phong và xã Bình Thành, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Tây Sơn;
- UBND thị trấn Phú Phong;
- UBND xã Bình Thành;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K10.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
CỦA DỰ ÁN CẦU BÌNH THÀNH, HUYỆN TÂY SƠN
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2023 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về Dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Cầu Bình Thành, huyện Tây Sơn.
- Địa điểm thực hiện: thị trấn Phú Phong và xã Bình Thành, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.
- Chủ dự án: UBND huyện Tây Sơn.
- Địa chỉ liên hệ: 59 Phan Đình Phùng, thị trấn Phú Phong, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án

- Phạm vi: Điểm đầu (Km0+00) giao với Quốc lộ 19 tại Km42+847 thuộc khối Hòa Lạc, thị trấn Phú Phong và điểm cuối (Km1+250) giáp vào đường ĐH.26 (Phú Lạc-Hà Nhe) thuộc thôn Phú Lạc, xã Bình Thành, huyện Tây Sơn.

- Quy mô: Chiều dài tuyến 1,25 km.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của Dự án

1.3.1. Các hạng mục công trình chính của dự án

- a. Phần cầu: Xây dựng cầu vĩnh cửu, kết cấu BTCT dự ứng lực căng sau và BTCT thường theo tiêu chuẩn TCVN 11823:2017.

- Sơ đồ nhịp: 15 nhịp 33 m.

- Tải trọng thiết kế: HL93.

- Tần suất thiết kế: 1%.

- Bề rộng cầu: 12,0 m.

- b. Phần đường đầu cầu: Xây dựng đường đầu cầu theo tiêu chuẩn đường cấp III đồng bằng (theo TCVN 4054-05).

- Chiều dài xây dựng là 758,3m. Trong đó, phía Quốc lộ 19 dài 110 m và phía đường ĐH.26 dài 648,3 m.

- Tốc độ thiết kế: 80 km/h.

- Bề rộng nền đường: 12,0 m.

- Bề rộng mặt đường: 11 m.

- Mặt đường bê tông nhựa, cường độ mặt đường yêu cầu: $E_{yc} \geq 140\text{Mpa}$.

- Tải trọng thiết kế cầu bản hộp HL93; tải trọng thiết kế cống tròn H30.

- Tần suất thiết kế nền đường, cầu nhỏ và cống P=4%.

1.3.2. Các hạng mục công trình phụ trợ của dự án

Hệ thống thoát nước ngang, hệ thống thoát nước dọc và an toàn giao thông.

1.3.3. Các hạng mục công trình phụ trợ phục vụ thi công của dự án

Các hạng mục công trình phụ trợ phục vụ thi công của dự án: 01 công trường thi công với diện tích khoảng 8.900 m²; 01 trạm trộn bê tông xi măng có diện tích 100 m², công suất ≤ 50 m³/h; bãi tập kết vật liệu rời có diện tích 400 m²; bãi tập kết tạm bùn thải của thi công khoan cọc nhồi có diện tích khoảng 100 m²; khu vực lán trại cho công nhân, nhà điều hành, nhà vệ sinh di động, nhà chứa chất thải rắn, chất thải nguy hại có diện tích 1.400 m², bãi đúc đầm 6.800 m².

1.4. Yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất lúa với diện tích khoảng 9.970,39 m².

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

Hoạt động phát quang, chuẩn bị mặt bằng thi công, đào đắp nền đường, thi công các hạng mục công trình và hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, đất, đá thừa phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải, nước thải sinh hoạt, nước mưa chảy tràn cuốn theo bùn đất; chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại và nguy cơ gây ngập úng.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của Dự án

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

- Nước thải sinh hoạt của công nhân phát sinh với lưu lượng khoảng 1,44 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là chứa hàm lượng cặn lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD₅) và các chất dinh dưỡng (N, P), vi sinh,...

- Nước thải xây dựng phát sinh khối lượng khoảng 4,64 m³/ngày. Trong đó, nước thải từ khối bùn khoan và dung dịch bentonite thải tập kết tạm tại bãi chứa vật liệu chờ vận chuyển đến bãi thải là 2,64 m³/ngày; nước thải từ quá trình vệ sinh và rửa các thiết bị xây dựng khoảng 2 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng, dầu mỡ, đất, cát,....

- Nước mưa chảy tràn lẫn bùn, đất trên công trường thi công. Thành phần chủ yếu là đất, cát, chất rắn lơ lửng,...

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

- Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải trong giai đoạn thi công, xây dựng: Hoạt động chuẩn bị mặt bằng, thi công các hạng mục công trình và vận chuyển nguyên vật liệu thi công. Thành phần chủ yếu là CO_x, NO_x, SO₂,

VOC,...

- Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải trong giai đoạn vận hành: Hoạt động của phương tiện giao thông trên tuyến phát sinh chủ yếu là bụi, khí thải. Thành phần chủ yếu là CO_x , NO_x , SO_2 , VOC,...

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn từ hoạt động phát quang, dọn dẹp mặt bằng phát sinh với khối lượng khoảng 100kg. Thành phần chủ yếu là thực bì,...

- Chất thải rắn từ hoạt động thi công các hạng mục công trình phát sinh với khối lượng khoảng 8,1 - 13,5kg/ngày. Thành phần chủ yếu là bao bì đựng xi măng, xà bần, ni lông,...

- Đất bóc phong hóa phát sinh với khối lượng khoảng 4.712,76 m³, bentonite phát sinh từ hoạt động thi công cầu khoảng 929,43 m³, xà bần phá bỏ công trình hiện trạng khoảng 81 m³. Tổng khối lượng chất thải xây dựng khoảng 5.723,19 m³.

- Chất thải rắn sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt của công nhân phát sinh với khối lượng khoảng 10,6 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là thức ăn thừa, bao bì ni lông, vỏ trái cây,....

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải công nghiệp phải kiểm soát, chất thải nguy hại

Hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa, thay dầu của các phương tiện thi công phát sinh chất thải nguy hại với khối lượng khoảng 70kg trong suốt quá trình thi công. Thành phần chủ yếu là các loại dầu mỡ thải, bóng đèn huỳnh quang thải,...

3.3. Tiếng ồn và độ rung

3.3.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của tiếng ồn và độ rung trong giai đoạn thi công, xây dựng

Hoạt động thi công các hạng mục công trình và hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu phát sinh tiếng ồn và rung chấn có khả năng ảnh hưởng tới khu dân cư lân cận.

3.3.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của tiếng ồn và độ rung trong giai đoạn vận hành

Hoạt động lưu thông của các phương tiện giao thông trên tuyến phát sinh tiếng ồn có khả năng ảnh hưởng tới một số khu dân cư lân cận.

3.4. Các tác động khác

- Hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình và hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu ảnh hưởng đến tình hình giao thông khu vực.

- Hoạt động chuyển đổi mục đích sử dụng đất lúa tác động đến sinh kế của người dân và hệ sinh thái.

- Hoạt động tập trung đông công nhân có khả năng làm mất an ninh, trật tự xã hội khu vực dự án.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, bụi, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt: Bố trí nhà 01 vệ sinh di động tại công trường có dung tích 2,5 m³ để thu gom nước thải sinh hoạt; khi bể đầy thuê đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- Nước thải từ trạm trộn: Được thu gom về bể lắng, lọc sơ bộ, cấu tạo 2 ngăn (dung tích 10 m³). Nước sau khi lắng cặn được tái sử dụng để dập bụi và làm ẩm công trường hoặc rửa cốt liệu. Cặn lắng sẽ được xử lý như đối với chất thải thi công.

- Nước mưa chảy tràn có lẫn bùn, đất: bố trí các rãnh thu gom, nước mưa trong khu vực thi công; thường xuyên nạo vét các rãnh thoát nước để không gây ngập úng.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

- Thường xuyên phun nước giảm thiểu bụi tại các khu vực phát sinh bụi với tần suất 02 lần/ngày.

- Phương tiện vận chuyển chở nguyên vật liệu: Vệ sinh các phương tiện vận chuyển trước khi ra khỏi công trường, phủ bạt kín và không để rơi vãi.

- Hàng ngày, bố trí công nhân quét dọn thu gom đất, cát rơi vãi, vệ sinh dọc theo tuyến đường và tại khu vực thi công.

- Đối với các bãi chứa nguyên vật liệu: Sử dụng bạt che chắn xung quanh bãi chứa đảm bảo không cho phát tán bụi ra xung quanh.

4.2. Công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý chất thải rắn

- Chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí các thùng thu gom rác có nắp đậy kín tại mỗi công trường để thu gom. Định kỳ thu gom và xử lý theo quy định.

- Đất bóc phong hóa và xà bần: Được vận chuyển về bãi thải tại khu vực Bàu Gáo, thôn Hữu Giang, xã Tây Giang, huyện Tây Sơn (tọa độ X: 1.544.006,4; Y: 564.446,4), có diện tích 6.000 m².

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý chất thải nguy hại

Bố trí các thùng chứa chất thải nguy hại chuyên dụng, có nắp đậy kín, dán nhãn mác theo quy định để lưu giữ và phân loại chất thải nguy hại tại công trường; tập kết tại kho lưu chứa chất thải nguy hại tạm thời diện tích khoảng 5m² tại công trường. Định kỳ thu gom và xử lý theo quy định.

4.3. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung

- Thường xuyên bảo dưỡng và sửa chữa kịp thời máy móc, thiết bị hư hỏng.

- Sử dụng các thiết bị công được đăng kiểm, hạn chế sử dụng nhiều thiết bị phát sinh tiếng ồn lớn cùng một thời điểm.

- Giảm tần suất hoạt động của các thiết bị, phương tiện vận tải vào các giờ nghỉ trưa và ban đêm. Không hoạt động các thiết bị gây tiếng ồn lớn vào thời gian từ 18h00 - 06h00 sáng ngày hôm sau.

4.4. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Xây dựng phương án tổ chức thi công và phân luồng giao thông, lắp đặt biển cảnh báo, biển chỉ dẫn tại khu vực thi công.

- Phối hợp với đơn vị chức năng thực hiện đền bù, giải phóng mặt bằng theo đúng quy định.

- Lắp đặt biển cảnh báo, biển chỉ dẫn và thông báo về hoạt động thi công của Dự án để người tham gia giao thông và người dân xung quanh được biết.

4.5. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

4.5.1. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu và ứng phó sự cố kỹ thuật

Tuân thủ đúng theo phương án thiết kế kỹ thuật và thiết kế đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; kiểm tra và nghiệm thu các công trình và khắc phục ngay khi phát hiện sự cố.

4.5.2. Phòng ngừa, giảm thiểu và ứng phó sự cố cháy, nổ

Xây dựng nội quy công trường và các biện pháp phòng cháy, chữa cháy; lắp đặt biển báo cấm lửa tại các khu vực dễ gây ra cháy nổ; thông báo ngay cho cơ quan chức năng và chính quyền địa phương để có biện pháp phối hợp xử lý kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố.

4.5.3 Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động

Xây dựng nội quy làm việc tại công trường và tuyên truyền, phổ biến cho công nhân, đặc biệt là biện pháp bảo đảm an toàn thi công trong mùa mưa lũ; tuân thủ tuyệt đối các nội quy về an toàn lao động và thường xuyên kiểm tra công tác bảo hộ lao động tại công trường.

4.5.4. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố ngập úng

Thi công hoàn thành các hạng mục đắp đất nền trước mùa mưa; thường xuyên kiểm tra, khơi thông các dòng chảy, thông tắc các cống rãnh thoát nước xung quanh công trường thi công đảm bảo không gây ngập úng.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường trong giai đoạn thi công, xây dựng của Dự án

5.1. Giám sát môi trường không khí

- Vị trí giám sát: 2 vị trí:

- + 01 mẫu tại điểm đầu dự án (tọa độ X:1.538.749; Y: 571.001).
- + 01 mẫu tại điểm cuối dự án (tọa độ X:1.539.937; Y: 571.403).
- Chỉ tiêu giám sát: Tiếng ồn, bụi, NO₂, SO₂, CO.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT, QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 27:2010/BTNMT.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/ lần.

5.2. Giám sát chất lượng môi trường nước mặt

- Vị trí giám sát: 2 vị trí:
 - + 01 mẫu tại thượng lưu cầu 200m (tọa độ X: 1.539.025; Y: 570.902).
 - + 01 mẫu tại hạ lưu cầu 200m (tọa độ X: 1.538.894; Y: 571.279).
- Chỉ tiêu giám sát: pH, TSS, DO, BOD₅, COD, tổng dầu mỡ, nitơ, photphat, tổng Coliforms.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 08-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt (cột B2).

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

5.3. Giám sát việc thu gom chất thải rắn và chất thải nguy hại

- Thường xuyên theo dõi, giám sát thành phần, số lượng của chất thải rắn và chất thải nguy hại.
 - Quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại theo các quy định hiện hành tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định về quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại có hiệu lực tại thời điểm giám sát.

5.4. Các yêu cầu khác có liên quan đến môi trường

- Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật và các quy định của pháp luật hiện hành trong quá trình thẩm định, phê duyệt thiết kế và thi công xây dựng các hạng mục công trình của dự án.

- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý và tổ chức thi công phù hợp, đảm bảo không làm hư hỏng hệ thống đường giao thông khu vực và hạn chế tối đa các tác động bất lợi đến cảnh quan, môi trường, hoạt động giao thông và các hoạt động kinh tế dân sinh khác trên khu vực thực hiện dự án.

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung phát sinh từ dự án, đảm bảo đáp ứng tiêu chuẩn tại QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn hiện hành khác về bảo vệ môi trường.